

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 - TP HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 661/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 4 – 2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thu Hiền

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Thị Kim Ngoan
2. Bà Trần Thị Thu Hoài

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1269/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1865/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thu T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Căn hộ B.16, Chung cư N, A M, khu phố C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Trịnh Hoàng N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Căn hộ A Khôi A, Chung cư T, đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thu T trình bày như sau:

Bà Lê Thu T và ông Trịnh Hoàng N sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Sau khi sống chung vợ chồng ông bà hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông N nghiện chơi cờ bạc gây ra nợ nần, bỏ bê gia đình, ông N không lo làm ăn, gây tổn hại đến tài chính và gây tổn thương tâm lý cho bà T. Bà T đã nhiều lần khuyên ngăn ông N không chơi cờ bạc nhưng ông N không thay đổi vẫn chứng nào tật nấy, không bỏ được cờ bạc. Vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra cãi vã, bà T cảm thấy cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, mệt mỏi, đến khoảng tháng 8 năm 2022 thì ông bà sống ly thân. Đến nay, bà T không còn tình cảm gì với ông N, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Hoàng N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trịnh Hoàng Minh K, sinh ngày 24/01/2020, Trịnh Hoàng Minh K1, sinh ngày 17/6/2022 và Trịnh Hoàng Minh T1, sinh ngày 17/6/2022. Hiện nay, cả 03 con chung đều đang ở với bà T.

Bà T đang làm kinh doanh nhà hàng với thu nhập hàng tháng khoảng 50.000.000 đồng, 04 mẹ con bà T hiện đang ở với ba mẹ của bà T, bà T nhận được nhiều sự giúp đỡ của ba mẹ trong việc chăm sóc các bé. Về phần ông N sau khi sống ly thân, ông N không hề thăm non, chăm sóc hay cấp dưỡng tiền cho con, hiện nay ông N làm gì, thu nhập bao nhiêu bà T cũng không rõ và không quan tâm vì một mình bà T có đủ khả năng để nuôi 03 con chung. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được trực tiếp nuôi 03 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trịnh Hoàng N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến làm việc, Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia các phiên toà xét xử nhưng ông N vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại các phiên toà xét xử không có lý do.

*Tại phiên toà:*

Bà Lê Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Trịnh Hoàng N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để tham gia các phiên toà xét xử nhưng ông N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện việc cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thu T và ông Trịnh Hoàng N sống chung và có đăng ký kết hôn với nhau. Nay bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bị đơn ông Trịnh Hoàng N có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trịnh Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trịnh Hoàng N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Lê Thu T và ông Trịnh Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 15 tháng 8 năm 2018 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thu T và ông Trịnh Hoàng N thì có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống chung giữa bà T và ông N thực tế có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông N, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông N. Ông N không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà T và cũng không quan tâm đến việc hoà giải, hàn gắn gia đình. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thu T.

Về con chung: Bà T và ông N có 03 con chung tên Trịnh Hoàng Minh K, sinh ngày 24/01/2020, Trịnh Hoàng Minh K1, sinh ngày 17/6/2022 và Trịnh Hoàng Minh T1, sinh ngày 17/6/2022. Xét thấy, ông N không quan tâm đến việc giao con chung cho ai nuôi, không có ý kiến và văn bản trình bày nộp cho Tòa án, bà T có công việc và thu nhập ổn định, có đủ khả năng về kinh tế để nuôi con, có sự hỗ trợ từ cha mẹ trong việc

chăm sóc các con và từ khi bà T và ông N sống ly thân đến nay thì cả 03 trẻ đều ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm lý và thể chất của trẻ Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung 2025);

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thu T được ly hôn với ông Trịnh Hoàng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 15 tháng 8 năm 2018 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thu T và ông Trịnh Hoàng N không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Trịnh Hoàng Minh K, sinh ngày 24/01/2020, Trịnh Hoàng Minh K1, sinh ngày 17/6/2022 và Trịnh Hoàng Minh T1, sinh ngày 17/6/2022 cho bà Lê Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trịnh Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không

được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040280 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Do đó, bà Lê Thu T đã nộp đủ án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 –TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Hạnh Thông, TP.HCM
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Thu Hiền**